

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/DS-ST

Ngày: 15 tháng 03 năm 2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.

2. Ông Võ Viết Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Trung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 03 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2016/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp “hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Ngọc A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Trà Cú, xã Thuận Bình, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Ngũ Văn B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Hưng Thành, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp 1, xã Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Trương Ngọc A trình bày: Vào ngày 08/5/2016 anh có hợp đồng bao tiêu nếp với anh Ngũ Văn B diện tích đất 10 hecta với số lượng nếp dự tính thu hoạch là 60 tấn, giá thu mua là 5.000 đồng/kg, anh có đưa cho anh Lê Văn C là cò lúa đưa trước cho anh Kha 50.000.000 đồng và 800kg nếp giống; giá nếp giống là 11.000đồng/kg thành tiền là 8.800.000 đồng. Tổng số tiền anh đã đưa trước cho anh B là 58.800.000 đồng, nhưng khi đến vụ thu hoạch anh B không giao nếp cho anh như thỏa thuận, anh B chỉ trả anh 50.000.000 đồng mà không bồi thường tiền phạt cọc cho anh như hợp đồng hai bên đã ký nên anh khởi kiện yêu cầu anh B phải bồi thường tiền phạt cọc nếp cho anh số tiền 50.000.000 đồng (50.000.000 đồng x 2 = 100.000.000 đồng – 50.000.000 đồng = 50.000.000 đồng) tiền phạt cọc nếp giống là 17.600.000 đồng (8.800.000đồng x 2) và chi phí đầu tư đóng ghe vận chuyển nếp, bao tiêu lò sấy nếp số

tiền là 18.000.000 đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh B không thừa nhận có nhận nếp giống do anh C giao, phần nếp giống anh C thừa nhận đã nhận và đã trả lại cho anh xong, nay anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần nếp giống và bồi thường phạt cọc tiền cọc nếp giống đối với anh B, anh chỉ yêu cầu anh B bồi thường tiền phạt cọc đối với tiền bao tiêu nếp là 50.000.000 đồng và chi phí đóng ghe chở nếp và bao tiêu lò sấy nếp là 18.000.000 đồng, tổng số tiền anh yêu cầu anh B phải bồi thường là 68.000.000 đồng.

2. Bị đơn anh Ngũ Văn B trình bày: Anh không đồng ý với lời trình bày của anh A, giữa anh và anh A không ký kết hợp đồng đặt cọc, anh C cũng không nói gì đến tiền phạt cọc, anh C có đưa cho anh trước số tiền 50.000.000 đồng và tờ giấy kêu anh ký tên, giữa anh và anh C thỏa thuận là khi nào cân nếp sẽ trừ vào tiền cọc đã giao, anh chỉ biết ký tên và ghi họ tên, anh không biết đọc. Sau đó anh không thuê được đất, anh có điện thoại gặp anh C yêu cầu anh C đến nhận lại số tiền anh đã nhận là 50.000.000 đồng nhưng anh C không đến nhận. Khoảng 03 tháng sau anh A đến gặp anh yêu cầu cắt nếp giao, anh nói anh không làm nếp do không thuê được đất và hai bên xảy ra tranh chấp, khoảng mười ngày sau anh Minh bạn anh A đến gặp anh yêu cầu anh trả số tiền 50.000.000 đồng mà anh đã nhận từ anh C và anh đã trả xong, khi trả tiền anh Minh nói là hai bên không còn ai nợ ai và hợp đồng xem như chấm dứt, anh Minh đưa anh tờ giấy hợp đồng có chữ ký của anh, sau đó anh xé tờ hợp đồng trước mặt anh Minh; còn nếp giống anh không nhận của anh C và anh A nên việc anh A khởi kiện yêu cầu anh trả lại số tiền nếp giống đã nhận và phạt cọc tiền nếp giống là không đúng sự thật. Đối với việc A khởi kiện yêu cầu anh trả tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng và chi phí đóng ghe chở nếp và bao tiêu lò sấy nếp là 18.000.000 đồng, anh không đồng ý vì giữa anh với anh A không biết nhau, không gặp mặt nhau, không cùng nhau thỏa thuận ký hợp đồng, còn nội dung hợp đồng ghi thế nào do anh không biết chữ nên không biết vì khi giao tờ hợp đồng anh C cũng không đọc cho anh biết và cũng không nói gì đến tiền phạt cọc, anh chỉ nghe anh C nói có người đồng ý bao tiêu nếp giá 5.000 đồng/kg và đưa cọc trước 50.000.000 đồng nên anh đồng ý ký vào hợp đồng. Nay trước tòa anh đồng ý hỗ trợ chi phí đi lại cho anh A số tiền 4.000.000 đồng, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh A.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Lê Văn C trình bày: Anh là người môi giới (cò) mua bán lúa và nếp giống cho anh A, anh có gặp anh B thỏa thuận bao tiêu nếp giống diện tích đất 10 hecta với số lượng nếp dự tính thu hoạch là 60 tấn, giá thu mua là 5.000 đồng/kg, anh nhận tiền của anh A đưa trước cho anh B 50.000.000 đồng, nhưng sau đó anh B nói không thuê được đất làm nếp và có yêu cầu trả lại số tiền đã nhận nhưng do bận nhiều công việc nên quên không báo lại cho anh A, còn số nếp 800kg anh không đưa cho anh B mà anh nhận đưa cho người khác và anh đã trả khoản tiền nếp giống lại cho anh A xong, còn nội dung ghi trong hợp đồng là do anh A soạn sẵn, anh không biết chữ nên không biết trong hợp đồng ghi nhận nội dung gì, nay anh A khởi kiện anh B là quyền của anh A, còn nội dung diễn biến sự việc anh trình bày là sự thật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ

thẩm cho rằng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm và các đương sự chấp hành đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng mua bán nếp giữa anh Trương Ngọc A và anh Ngũ Văn B được lập chưa rõ ràng, các bên không gặp nhau để cùng nhau bàn bạc thỏa thuận đi đến thống nhất trước khi ký hợp đồng, hợp đồng không ghi ngày tháng đã vi phạm các quy định của pháp luật về hợp đồng, ngoài ra sau khi nhận tiền cọc anh B không thuê được đất đã chủ động liên lạc với anh C để trả lại tiền cọc nhưng anh C không nhận đây là do trở ngại khách quan nên việc anh Trương Ngọc A khởi kiện anh Ngũ Văn B yêu cầu anh B bồi thường tiền phạt cọc và chi phí đóng ghe chở lúa, bao tiêu lò sấy là không có cơ sở chấp nhận. Anh Ngũ Văn B tự nguyện hỗ trợ cho anh A số tiền 4.000.000 đồng đây là sự tự nguyện của anh B đề nghị tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng đặt cọc" Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

-Tại phiên tòa hôm nay Anh Trương Ngọc A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Ngũ Văn B yêu cầu anh B bồi thường tiền phạt cọc nếp là 50.000.000 đồng và chi phí đầu tư đóng ghe chở nếp và bao tiêu lò sấy nếp là 18.000.000 đồng, tổng số tiền anh A yêu cầu anh B phải bồi thường là 68.000.000 đồng; đối với yêu cầu bồi thường tiền nếp giống và phạt cọc nếp giống là 17.600.000 đồng anh xin rút yêu cầu vì phần tiền này anh B không nhận, do anh C nhận và anh C đã trả lại cho anh xong. Anh Ngũ Văn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh A, anh chỉ đồng ý hỗ trợ chi phí đi lại cho anh A số tiền 4.000.000 đồng

Xét thấy:

[1] Việc anh Trương Ngọc A tự nguyện rút một phần đơn khởi kiện đối với anh Ngũ Văn B yêu cầu anh B trả lại tiền nếp giống đã nhận là 8.800.000 đồng và tiền phạt cọc nếp giống là 8.800.000 đồng, tổng số tiền là 17.600.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của anh A đối với anh B phù hợp điểm c, khoản 1, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần đình chỉ yêu cầu của anh A buộc anh B trả tiền cọc nếp giống và tiền phạt cọc nếp giống là 17.600.000 đồng.

[2] Đối với yêu cầu của anh Trương Ngọc A yêu cầu anh Ngũ Văn B bồi thường tiền phạt cọc đối với số tiền anh B đã nhận 50.000.000 đồng và chi phí đầu tư đóng ghe chở nếp, bao tiêu lò sấy nếp là 18.000.000 đồng, tổng số tiền 68.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa anh Trương Ngọc A và anh Ngũ Văn B không gặp mặt nhau để bàn bạc trao đổi những vấn đề có liên quan đến hợp đồng mua bán nếp và cùng nhau ký hợp đồng, anh A không biết anh B là ai và anh B cũng không biết anh A là ai. Anh A chỉ giao tiền cho anh Lê Văn C và anh C đưa tiền cho anh B, khi anh C giao tờ hợp đồng cho anh B anh C không đọc lại nội dung ghi nhận trong hợp đồng nói gì, anh

C chỉ yêu cầu anh B ký tên vào tờ hợp đồng bên phần người bán nẹp theo sự hướng dẫn của anh A. Điều đó đã được thể hiện trong nội dung của hợp đồng là anh B đã nhận 58.800.000 đồng, nhưng thực tế anh B chỉ nhận số tiền 50.000.000 đồng do anh B không biết chữ, chỉ tin tưởng vào những gì anh C nói, đây là hành vi lừa dối của anh A và anh C đối với anh B, tuy nhiên qua thu thập chứng cứ đã chứng minh được anh C cũng không biết chữ, chỉ làm theo hướng dẫn của anh A, trong trường hợp này lẽ ra anh A phải trực tiếp gặp anh C để hai bên cùng thống nhất và cùng ký kết hợp đồng nên “Hợp đồng mua bán nẹp giống” giữa anh A và anh B đã vi phạm vào Điều 127 và Điều 405 Bộ luật dân sự; mặt khác “Hợp đồng mua bán nẹp” là do anh A soạn sẵn và ghi trước các thông tin nhưng không ghi ngày tháng hai bên đã ký hợp đồng đã vi phạm vào Điều 401 Bộ luật dân sự. Sau khi nhận được tiền đặt cọc anh B không thuê được đất đã chủ động liên lạc với anh C đề nghị trả lại tiền cọc đã nhận nhưng anh C không nhận, đây là do trở ngại khách quan dẫn đến anh B không thể thực hiện tiếp hợp đồng với anh A nên không phạt cọc đối với anh B được quy định tại điểm d, tiểu mục 1 của mục I Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Mặc khác những nội dung ghi nhận trong hợp đồng không đúng sự thật khách quan, anh B chỉ nhận 50.000.000 đồng nhưng hợp đồng ghi anh B nhận 58.800.000 đồng nên “Hợp đồng mua bán nẹp” giữa anh Trương Ngọc A và anh Ngũ Văn B là vô hiệu, phù hợp với Điều 407 Bộ luật dân sự. Do giao dịch dân sự vô hiệu nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên và số tiền anh B đã nhận của anh A 50.000.000 đồng, anh B đã trả lại cho anh B xong, nay anh A khởi kiện yêu cầu anh Ngũ Văn B bồi thường tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng và chi phí đầu tư đóng ghe chở nẹp, bao tiêu lò sấy số tiền 18.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, do anh Ngũ Văn B tự nguyện hỗ trợ chi phí cho anh Trương Ngọc A số tiền 4.000.000 đồng đây là sự tự nguyện của anh B cần ghi nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Trương Ngọc A không được chấp nhận nên anh Trương Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bị bác yêu cầu là $64.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.200.000 \text{ đồng}$.

Anh Ngũ Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho anh Trương Ngọc A ($4.000.000 \text{ đồng} \times 5\%$)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 39, 147, 217 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 127, 401, 405, 407 và điều 328 Bộ luật dân sự;

Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Ngọc A đối với anh Ngũ Văn B về việc anh A yêu cầu anh B trả tiền cọc nẹp giống đã nhận là 8.800.000 đồng và tiền phạt cọc nẹp giống là 8.800.000 đồng. Tổng số tiền là 17.600.000 đồng.

2. Tuyên bố “Hợp đồng mua bán nẹp” giữa anh Trương Ngọc A với anh Ngũ Văn B vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Ngọc A đối với anh Ngũ Văn B.

Buộc anh Ngũ Văn B có nghĩa vụ trả cho anh Trương Ngọc A số tiền 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Anh Trương Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.200.000 đồng sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.125.000 đồng theo biên lai thu số 0003580 ngày 07/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Anh A còn phải nộp tiếp số tiền 1.075.000 đồng.

Anh Ngũ Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Long